

Bản án: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24/6/2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình -
Xin ly hôn, về nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Thuận

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng : Không tham gia phiên Tòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 53/2020/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2020 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 34/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Thái Văn L, sinh năm: 1965; Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Hồng L, sinh năm: 1975; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Thái Văn L trình bày: Anh và chị L trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và tổ chức lễ cưới vào năm 2011, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau về tiền bạc rồi chị L bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống, từ đó cho đến nay không trở về gia đình anh nữa. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 đứa con chung tên Thái Tuấn A, sinh ngày 24/3/2011, hiện đang sống với anh, anh xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 24/4/2020 chị Phạm Hồng L trình bày: Do chị và anh L sống không có hạnh phúc, hiện nay chị đi làm ăn ở Sài Gòn, nay anh L xin ly hôn chị đồng ý ly hôn; Về con chung có 01 con chung, chị đồng ý giao con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Thái Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, về nuôi con chung” giữa anh và chị Lê. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Chị Phạm Hồng L có văn bản đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của chị L không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị L.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh Thái Văn L và chị Phạm Hồng L trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và tổ chức đám cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 22/3/2011 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Sau khi phát sinh mâu thuẫn hai bên gia đình đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh L xin ly hôn với chị L và chị L cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh chị đã ở tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xứ chấp nhận cho anh Thái Văn L được ly hôn với chị Phạm Hồng L.

{2.2} Về con chung : Anh L và chị L xác định có một người con chung tên Thái Tuấn A, sinh ngày 24/3/2011, hiện đang sống chung với anh L, anh L xin được nuôi con và chị L cũng đồng ý giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật). Mặt khác, tại bản tự khai ngày 20/9/2019 cháu A cũng có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn cháu xin được ở với anh L. Xét thấy việc thỏa thuận và tự nguyện nêu trên không trái quy định của pháp luật cần được ghi nhận.

{3} Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh L là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị L có quyền đến thăm nom , chăm sóc , nuôi dưỡng, giáo dục con chung , không ai được cản trở.

{2.3} Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số 8151 ngày 03/2/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh L đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân : Xử chấp nhận cho anh Thái Văn L được ly hôn với chị Phạm Hồng L.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh L và chị L; chị L giao con chung tên Thái Tuấn A, sinh ngày 24/3/2011 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật) anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền , nghĩa vụ trông nom, chăm sóc , nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có

4. Án phí ly hôn sơ thẩm anh L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số 8151 ngày 03/2/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh L đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; anh L được tính kể ngày tuyên án (24/6/2020). Chị L được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận

- TAND tỉnh

- VKSND tỉnh, huyện

- Chi cục thi hành án

- Đương sự

- UBND xã

- Lưu HS, VP

Nguyễn Thị Chuyên